TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2019/DS-PT
Ngày 21 - 8 - 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà trả đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1953;

- Nguyễn Phước Hưng, sinh năm 1947 (chồng bà Tr).

Người đại diện hợp pháp ông H: Nguyễn Thị Tr

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Phước Hùng C2, sinh năm 1975,

Địa chỉ: : Ấp 2, xã N, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Băng Gi- Văn phòng Luật sư Băng Gi, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: khóm Mỹ Tây, thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Phước Hùng C1, sinh năm 1972;

- Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975 (vợ Cường A);

- Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 2002 (con Cường A);

Người đại diện hợp pháp của chị Nhi, cháu Kim Ng: Nguyễn Phước Hùng C (Cường A).

- Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm 1979 (vợ Cường E);

- Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1999 (con Cường E).

Người đại diện hợp pháp cháu Ngọc Th: Nguyễn Phước Hùng C (Cường E).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Nguyễn Phước Hùng C (Cường E).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Phước H trình bày:

Ngày 12/3/1998, ông H, bà Tr sang nhượng của ông Ngô Công Ng, phần đất chiều ngang 13m, chiều dài 100m, có làm giấy tay. Việc mua đất dự định để cho 02 con là C2 và C1. Lúc đó C1 thì đã có vợ và ra riêng ở tạm trên phần đất của ông, bà cặp bờ sông; còn C2 chưa có vợ còn sống chung trong gia đình nên khi làm thủ tục sang tên chuyển quyền thì để cho C2 đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi C2 có vợ thì đã ra riêng và cất nhà ở trên phần đất mà ông bà đã mua của ông Ng, hướng nhà quay về hướng lộ làng. Sau đó do nền nhà cặp bờ sông của C1 bị sạt lỡ nên vợ chồng bà kêu C1 về cất nhà cũng trên phần đất này nhưng hướng nhà thì quay về hướng Quốc lộ 30.

Do hiện nay vợ chồng bà đã lớn tuổi, muốn tách giấy cho C1 và C2 mỗi người một phần thì C2không đồng ý, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc C2 trả lại đất diện tích 1.571m^2 thuộc một phần thửa 2479; đối với nhà, cây cối, công trình, vật kiến trúc khác trên đất thì bà không có yêu cầu gì.

- Bị đơn Nguyễn Phước Hùng C2 trình bày:

Năm 1998, anh C2 lập gia đình nhưng sống chung với cha mẹ là bà Tr, ông H. Trong năm 1998 thì cha mẹ có sang nhượng của ông Ngô Công Ng thửa đất diện tích 1.911m^2. Khi sang tên chuyển quyền thì cha mẹ nói giao cho anh đứng tên, coi đây là phần chia đất thổ cư cho con không có điều kiện gì. Anh em trong gia đình đều thống nhất, không ai phản đối, nên đã chuyển quyền từ ông Ngữ sang cho anh và anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/1999. Năm 1999 - 2000 thì vợ chồng ra riêng và cất nhà

sống tại đây. Khoảng năm 2013 do đất nền nhà bị lỡ, sụp nên anh ruột là Cường A có hỏi xin anh cất nhà tạm trên đất.

Do đó, qua yêu cầu của ông H, bà Tr thì không đồng ý, vì đất này cha mẹ đã cho anh sử dụng cách đây 20 năm và được Nhà nước thừa nhận hợp pháp. Anh yêu cầu anh C1 phải tháo dỡ di dời nhà, vật kiến trúc khác trên đất (chuồng nuôi lươn, cây trồng) và anh đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho anh C1 số tiền 3.000.000đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện chị Nhiên, cháu Kim Ngân là Nguyễn Phước Hùng C1 trình bày:

Thừa nhận đất tranh chấp do cha mẹ là ông H, bà Tr mua của ông Ng để cho chia cho 02 anh em. Lúc đó anh ra riêng được cha mẹ cho ở nhờ đất cặp mé sông. Đến năm 2010 do sạt lỡ, nên mẹ anh là bà Tr kêu gia đình anh về cho đất cất nhà ở đây. Khi về cất nhà thì C2 có trồng 02 trụ đá làm ranh giữa 2 bên. Do đó gia đình anh, chị Nhiên, cháu Ngân không đồng ý theo yêu cầu của anh C2; còn đối với yêu cầu của cha mẹ thì đồng ý trả đất, còn nhà và vật kiến trúc, cây cối khác trên đất thì giao toàn quyền cho nguyên đơn quyết định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thùy Tr trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh C1, không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.
- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.
- Anh Nguyễn Phước Hùng C2có trách nhiệm trả lại 873m^2 cho bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Phước H. Vị trí:

+ Phía Đông giáp Quốc lộ 30, đất bà Ánh 6,43m + 6,41m.

+ Phía Tây giáp đất của C2 đang sử dụng 12,87m

+ Phía Nam giáp đất bà B, bà A 41,91m + 52,15m

+ Phía Bắc giáp đất ông M 94,45m.

(Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/5/2018 và sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu hộ gia đình anh Nguyễn Phước Hùng C1 (gồm Nguyễn Phước Hùng C1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Kim Ng) phải di dời nhà, cây cối, công trình và vật kiến trúc khác có trên đất.

- Đề nghị UBND huyện Tam Nông thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 873m^2 thuộc một phần thửa 2479, tờ bản đồ số 02 của anh Nguyễn Phước Hùng C2 để cấp lại cho bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Phước H theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Phước Hùng C2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Phước H số tiền 2.250.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Phước H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tr, ông H do được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí nên không đề cập xử lý.

+ Anh Nguyễn Phước Hùng C2 phải nộp 4.665.000đ tiền án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 471.000đồng theo biên lai thu số BH/2017/0001455 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Anh C2 còn phải nộp 4.194.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm anh C2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết là sửa nội dung và quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là chấp nhận cho anh C2 được tiếp tục sử dụng toàn bộ đất theo giấy chứng nhận diện tích 1.911m^2 đất, thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 2479 vì đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cũng như quản lý, canh tác đất từ năm 1999 đến nay đã hơn hai mươi năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn bà Tr và bị đơn anh C2, người liên quan anh C1, chị Tr có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp anh C2 trình bày: Việc chuyển nhượng cho anh C2 đúng quy định pháp luật. Anh C2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Tr, ông H cho đất không có giấy tờ; anh C1 về ở trên đất năm 2010 còn anh C2 sử dụng đất đươc 20 năm; Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cung cấp việc cấp giấy chứng nhận cho anh C2 đúng trình tự, thủ tục. Đất chỉ có 01 trụ đá nếu anh C2 cho đất anh C1 thì phải cho diện tích đất ít hơn. Bà Tr, ông H đã cho đất rồi muốn lấy lại đất cho thì phải có sự đồng ý của anh C2 nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C2 yêu cầu anh C1 trả đất; anh C2 hỗ trợ tiền di dời.

Anh C2 trình bày: Thống nhất ý kiến với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã trình bày.

Bà Tr trình bày: Thống nhất bản án sơ thẩm, bà giữ yêu cầu đã khởi kiện và ý kiến đã trình bày.

Anh C1 trình bày: Thống nhất bản án sơ thẩm, đất là của cha mẹ anh nên anh đồng ý với ý kiến của bà Tr; anh không có tranh chấp.

Chị Trinh thống nhất ý kiến với anh C2.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh C2, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm nhưng chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp với quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua đo đạc thực tế, thì phần đất tranh chấp có diện tích: 1.571m^2 thuộc một phần thửa 2479, diện tích 1911m^2 thuộc tờ bản đồ số 02, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Phước Hùng C2 đứng tên. Phần diện tích 230m^2 đất cặp bờ sông và lộ làng thì không tranh chấp. Trên đất tranh chấp hiện nay gia đình anh C2 và anh C1 đang cất nhà, trồng cây và có các công trình, vật kiến trúc khác như: nhà tạm để máy xới, nhà vệ sinh, chuồng nuôi lươn. Ông H, bà Tr khởi kiện yêu cầu anh C2 trả lại đất cho ông bà; anh C2 kiện yêu cầu anh C1 di dời nhà, vật kiến trúc trả đất cho anh.

[2] Các đương sự thống nhất nguồn gốc đất là của bà Tr, ông H bỏ tiền ra nhận sang nhượng từ ông Ng vào năm 1998, nhưng về thủ tục chuyển nhượng thì để anh C2 đăng ký đứng tên giấy chứng nhận.

Theo ông H, bà Tr trình bày là mua đất dự định chia cho 02 con là anh C1 và anh C2, lúc đó anh C2 sống chung gia đình nên để đứng tên giấy chứng nhận. Còn anh C2 thì cho là cha mẹ mua đất cho anh, đến năm 2000 có vợ ra riêng thì cất nhà sống tại đây; lúc anh C1 di dời nhà về cất trên đất tranh chấp khoảng 5 năm nay thì anh cũng đồng ý. Anh C1 thì trình bày đất của cha mẹ anh; gia đình anh được cha mẹ kêu về cất nhà ở từ năm 2010 lý do nhà anh cất ở trước đó cặp bờ sông bị sạt lỡ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định: anh C2 cho rằng đất của cha mẹ đã cho cá nhân anh từ năm 1998, nên được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Ng từ năm 1999 là chưa có cơ sở. Bởi lẽ vào năm 1998 thì anh C2 còn chung sống cùng với

ông H, bà Tr; đến năm 1999 – 2000 thì cất nhà ra ở riêng trên phần đất tranh chấp cho đến nay.

Việc được đứng tên từ hợp đồng chuyển nhượng là có thật nhưng anh C2 thì không xuất trình được tài liệu, giấy tờ hay chứng cứ gì thể hiện là được ông H, bà Tr tặng cho phần đất này. Anh C2 còn thừa nhận sau khi sang nhượng đất thì cha mẹ sử dụng, chặt đốn các cây trên đất bán để lấy tiền đóng thuế. Khi anh C1 về cất nhà thì đồng ý và chia đều tiền thuế đã đóng từ trước đến khi Nhà nước không còn thu thuế.

Về vị trí và ranh đất sử dụng anh C1 thì cho là được bà Tr, ông H về cất nhà ở đây và anh C2 có cắm trụ đá làm ranh.

Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì còn 01 trụ đá nằm giữa, sau hè nhà của anh C1 và anh C2; từ phía sau nhà anh C1 đến trụ đá thì anh C1 trồng các bụi chuối cặp sát trụ đá và làm chuồng nuôi lươn, còn cách trụ đá đến sau nhà anh C2 thì có nhà vệ sinh và cây trồng do anh C2 trồng như vậy thể hiện cụ thể ranh đất giữa hai bên.

Còn việc bà Tr, ông H sau khi các con về sử dụng đất thì không có ý kiến hay phản đối, cụ thể anh C2 đã cất nhà sử dụng từ năm 1999 - 2000, đến khi phát sinh mâu thuẫn gia đình giữa anh C1 với anh C2 xảy ra tranh chấp thì ông, bà mới yêu cầu anh C2 trả đất. Bà Tr chỉ muốn yêu cầu anh C2 trả đất, để bà có quyền đối với đất của mình nhận sang nhượng, còn việc anh C1 hay anh C2 ở trên đất hay tự di dời đi chỗ khác thì bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác. Do đó, xét thấy việc anh C2 cất nhà và sử dụng ổn định nên giữ nguyên phần đất này cho gia đình anh C2 tiếp tục sử dụng, là phù hợp ý kiến của ông H, bà Tr là sang nhượng đất để cho các con và phù hợp lời khai của các con còn lại của bà Tr, ông H, nên cần chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn là hợp tình, hợp lý.

Từ những nhận định trên, cụ thể lấy trụ đá nằm giữa sau nhà của anh C1 và anh C2 là ranh hiện trạng sử dụng. Buộc C2 phải giao lại cho bà Tr, ông H diện tích 873m^2 là phần đất hộ ông C1 đang sử dụng là phù hợp. Còn phần đất diện tích 230m^2 cặp bờ sông và lộ làng thì sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án khác.

Đối với việc anh C2 yêu cầu anh C1 di dời nhà trả đất là không có cơ sở bởi lẽ quyền sử dụng đất này không phải của anh C2 như nhận định ở trên mà là đất của bà Tr, ông H; nên không chấp nhận yêu cầu của anh C2.

Đối với anh C1 thống nhất giao việc di dời nhà, vật kiến trúc khác có trên đất cho bà Tr, ông H toàn quyền quyết định, vì đất này là của bà Tr thống nhất cho về ở. Xét thấy theo quy định nếu buộc trả đất cho bà Tr, ông H như trên thì những người đang sử dụng như cất nhà, trồng cây hay có công trình, vật kiến trúc khác trên đất tranh chấp phải di dời để giao trả lại đúng hiện trạng

đất cho bà Tr, ông H sử dụng nhưng bà Tr cho là tùy anh C1 hay anh C2 muốn tiếp tục ở trên đất thì ở, không thì tự di dời. Bà Trào không có yêu cầu các con phải di dời nhà trả đất, đây là sự tự nguyện của ông Hưng, bà Trào đối với quyết định của mình nên cần chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện này trong bản án, nếu sau này giữa bà Trào, ông Hưng và hộ gia đình Cường Anh có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm anh Cường Em không đồng ý kháng cáo yêu cầu Tòa án xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của anh.

[5] Xét kháng cáo anh C2. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo nhưng anh không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu của anh. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy nhận định và giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã đúng quy định pháp luật. Ngoài ra trước đây anh C2 thừa nhận việc thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất từ ông Ng sang cho anh là do ông H và anh đi thực hiện; trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/10/1999 giữa các bên đã ghi rõ bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là anh Nguyễn Phước Hùng C2 đại diện cho hộ gia đình. Theo văn bản số 203/UBND-NC ngày 22/2/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cung cấp thông tin việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Hùng C2 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận hộ gia đình gồm có 05 thành viên, ông H (chủ hộ), bà Tr, anh Hùng C, anh Nguyễn Phước Cữu L, anh Nguyễn Phước Cữu Long Gi cũng như bà Tr trình bày; các anh Cữu L, Cữu Long Gi xác định đây là tài sản của cha mẹ mua chỉ để cho anh C2 đại diện đứng tên, mục đích sau này để cho đất anh C1 và anh C2; các anh không có yêu cầu tranh chấp đất. Do đó với những căn cứ trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C2.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên do để dễ hiểu và đảm bảo cho việc thi hành án nên cần ghi lại cách tuyên án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn anh Cường Em phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 91, 147, 148, 157, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 166, 203 của Luật đất đai;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Phước Hùng C2.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Phước H, bà Nguyễn Thị Tr.

- Không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Phước Hùng C2.

2/ Buộc anh Nguyễn Phước Hùng C2 có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Phước H diện tích đất 873m^2, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, trụ đá, qua mốc 11 (mốc bổ sung) trở về mốc 1 thuộc một phần thửa 2479, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Phước Hùng C2 đứng tên.

Vị trí:

+ Phía Đông giáp Quốc lộ 30, đất bà A có chiều ngang là 6,43m + 6,41m.

+ Phía Tây giáp đất của C2 sử dụng có chiều ngang là 12,87m.

+ Phía Nam giáp đất bà B, bà A có chiều dài là 41,91m + 52,15m.

+ Phía Bắc giáp đất ông M có chiều dài là 94,45m.

(Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/5/2018 và sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Phước H không yêu cầu hộ gia đình anh Nguyễn Phước Hùng C1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Kim Ng phải di dời nhà, cây cối, công trình và vật kiến trúc khác có trên đất nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Đề nghị UBND huyện Tam Nông thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 873m^2 thuộc một phần thửa 2479, tờ bản đồ số 02 của anh Nguyễn Phước Hùng C2 để cấp lại cho bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Phước H theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Phước Hùng C2 và bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Phước H được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3/ Về chi phí, án phí dân sự:

3.1/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: anh Nguyễn Phước Hùng C2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Trào và ông Nguyễn Phước Hưng số tiền 2.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Phước H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tr, ông H do được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí nên không đề cập xử lý.

+ Anh Nguyễn Phước Hùng C2 phải nộp 4.665.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 471.000 đồng theo biên lai thu số BH/2017/0001455 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Anh C2 còn phải nộp 4.194.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.3/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Phước Hùng C2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000397, ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh C2 không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện Tam Nông ;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Chí Tâm